Nguyên nhân suy tàn của Phật giáo cuối đời Trần

ISSN: 2734-9195 09:05 29/07/2025

Tuy nhiên, theo quy luật “thịnh suy”, Phật giáo cuối thời Trần đã không còn giữ được vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội. Vấn đề được đặt ra, đâu là nguyên nhân suy tàn của Phật giáo cuối đời Trần?

Tác giả: **Thượng tọa Thích Lệ Quang***

Tóm tắt: Phật giáo thời Trần có một vị trí quan trọng và sức ảnh hưởng nhất định trong vương triều nhà Trần (1226 - 1400). Phật giáo thời kỳ này gắn liền với quá trình kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, nêu cao tinh thần yêu nước, yêu dân tộc của giới tu sĩ Phật giáo. Đặc biệt, là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, mà người đại diện là thiền sư Trần Nhân Tông với chủ trương nhập thế tích cực, phụng sự xã hội, xây dựng mối quan hệ trên tinh thần “*đạo pháp đồng hành cùng dân tộc*”, đã làm cho Phật giáo thời kỳ này phát triển hưng thịnh, rực rỡ so với các thời kỳ trước đó và để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng dân tộc Việt Nam nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, theo quy luật “*thịnh suy*”, Phật giáo cuối thời Trần đã không còn giữ được vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội. Vấn đề đặt ra, đâu là nguyên nhân suy tàn của Phật giáo cuối đời Trần? Bài viết tập trung trình bày: một số nguyên nhân đưa đến sự suy tàn của nó và những vấn đề cần suy nghĩ của tăng, ni trong thời đại ngày nay.

Từ khoá: Phật giáo, thời Trần, nguyên nhân, suy tàn, vấn đề, thời đại ngày nay.

Sau khi lên ngôi hoàng đế vào năm 1226, vua Trần Thái Tông 陳太宗 (1218 –1277) ra sức xây dựng củng cố Nhà nước trung ương tập quyền, tổ chức các bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương theo thể chế pháp định của chế độ phong kiến nhà Trần. Bên cạnh mục tiêu hướng đến xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, quân sự vững mạnh, vương triều nhà Trần còn phải đương đầu với thế lực ngoại bang Nguyên – Mông tìm cách xâm lược Đại Việt. Do đó, chính quyền nhà Trần ngoài việc xây dựng phát triển đất nước, nhà Trần cũng cần

phải có một nền tảng tư tưởng độc lập, thống nhất. Những quy luật đó chính là dựa vào nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tổ chức nhân dân thành một lực lượng vật chất chống kẻ thù. Trong bối cảnh đó, Phật giáo trở thành yếu tố tâm lý liên kết toàn dân, tạo nên sức mạnh của toàn dân chống quân xâm lược, bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Phật giáo thời kỳ này có một vị trí hết sức quan trọng và sức ảnh hưởng nhất định trong vương triều nhà Trần (1226 - 1400). Phật giáo gắn liền với các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông, nêu cao tinh thần yêu nước, yêu dân tộc của giới tu sĩ Phật giáo. Đặc biệt, là sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, mà người đại diện là Trần Nhân Tông - một vị vua anh minh, một Thiền sư lỗi lạc của Phật giáo thời Trần; với chủ trương nhập thế tích cực, phụng sự xã hội, xây dựng mối quan hệ trên tinh thần "*đạo pháp đồng hành cùng dân tộc*" để thực hiện sứ mệnh độ sinh, đã làm cho Phật giáo thời kỳ này phát triển hưng thịnh, rực rỡ so với các thời kỳ trước đó và để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng dân tộc Việt Nam nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng, trải qua các giai đoạn lịch sử của dân tộc. Tuy nhiên, theo quy luật "*thịnh suy*", Phật giáo cuối thời Trần đã không còn giữ được vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội và phải nhường chỗ cho Nho giáo, dần dần đánh mất chỗ đứng và tiếng nói trong giới cầm quyền đương thời. Song, sự suy tàn đó có nhiều nguyên nhân, yếu tố mang tính xã hội lẫn yếu tố nội tại của giới tăng lữ Phật giáo, đã tác động, ảnh hưởng đến vai trò của Phật giáo cuối thời kỳ này rơi vào sự suy thoái trầm trọng trong thời gian dài mất kiểm soát của Giáo hội Trúc Lâm. Đâu là những nguyên nhân của sự suy tàn đó?

Những nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn của Phật giới cuối thời Trần



(Ảnh: Internet)

Theo dòng lịch sử phát triển của Phật giáo Việt Nam, văn hoá Phật giáo thời kỳ nhà Trần đã phát triển đến đỉnh cao của nền văn hoá Phật giáo trong các giai đoạn phát triển Phật giáo trước đó, đặc biệt là giai đoạn ra đời của Giáo hội Trúc Lâm, dưới sự lãnh đạo của Trần Nhân Tông và "*một kiến trúc sư*" của Giáo hội Trúc Lâm là thiền sư Pháp Loa đã đưa Phật giáo thời Trần lên một tầm cao mới, trong việc tổ chức, quản lý tăng, ni, tự viện một cách có hệ thống. Phật giáo thời kỳ này không những có sức ảnh hưởng to lớn đến chính quyền đương thời, mà còn phát triển đến điểm cực thịnh trong phong trào học Phật sâu rộng trong quần chúng nhân dân, nhằm lan toả sức mạnh nội sinh của văn hoá Phật giáo Đại Việt so với Phật giáo khác trong khu vực và các tôn giáo khác thời bấy giờ.

Theo quy luật "*thịnh suy*" của sự vận động và phát triển xã hội, bên trong của sự "*thịnh đạt*" đó đã ngầm ẩn chứa sự "*suy tàn*" của nó.

Phật giáo cuối thời Trần đã rơi vào sự suy thoái, mất kiểm soát của Giáo hội Trúc Lâm và không còn khả năng tập hợp, đoàn kết nội bộ giới tăng lữ trong một tổ chức. Điều đó, không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, mà tất cả đều có nguyên nhân sâu xa của nó.

Thứ nhất, sự ỷ lại vào vua chúa

Sự hưng thịnh của Phật giáo thời kỳ Lý - Trần nói chung, không thể phủ nhận vai trò của chính quyền phong kiến lúc bấy giờ trong việc ủng hộ, giúp sức cho sự phát triển của Phật giáo đương thời. Bởi lẽ, khi triều đại nhà Lý được thành lập, người có công lao to lớn trong việc đưa Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế là thiền sư Vạn Hạnh; và khi nhà Trần thay thế nhà Lý, Trần Thái Tông là một ông vua mang tư tưởng của Phật giáo hết sức sâu sắc. Mặc dù, đang ở ngôi hoàng đế,

nhưng tâm hồn của ông vẫn ngày đêm hướng về đạo, chuyên tâm nghiên cứu giáo lý, tham vấn thiền học với các vị cao tăng để trao dồi kiến thức Phật học. Ông viết: "*Tuy một ngày trăm việc; cũng trộm lúc rảnh ranh. Chăm việc tiếc giờ; học càng tăng tiến. Một chữ đinh lo chưa biết đến; đêm canh hai còn gắng tìm xem. Đã duyệt phần điển Khổng Khâu; lại xét sách kinh đạo Thích*" [1]. Điều đó, thể hiện mối quan hệ khắng khít giữa đạo Phật và chính quyền đương thời hết sức sâu sắc; đồng thời, nó cũng phản ánh mối quan hệ *đôi bên cùng có lợi* giữa tôn giáo và chính quyền đương thời, tạo nên sự bền vững và phát triển lâu dài của một thể chế chính trị. Chính vì vậy, chính quyền nhà Trần luôn luôn ủng hộ mạnh mẽ mọi hoạt động của Phật giáo như cấp ruộng đất canh tác, cung cấp đất xây dựng chùa, tháp, đưa chương trình giáo dục Phật giáo vào các trường Quốc Tử Giám giảng dạy và tổ chức các kỳ thi tam giáo Nho giáo - Phật giáo - Đạo giáo, để tuyển chọn nhân tài cho đất nước thời bấy giờ. Theo sách *Tam Tổ thực lục*, vào năm Hưng Long thứ 16 (1308), vua Anh Tông ngự giá đến dự lễ truyền thừa Tổ vị cho thiền sư Pháp Loa và cúng dường "*100 mẫu ruộng làng Đội Gia và các canh phu đổi lấy vườn cau để làm phương tiện nuôi tăng chúng. Lại lấy 25 mẫu ruộng làng Đại Từ của người cung phi của vua là Tỳ kheo ni Từ Chiêu cùng ngôi chùa của cô thêm vào đó*" [2]. Năm 1313, Bảo Từ Hoàng Thái hậu cúng "*300 mẫu ruộng riêng của gia đình để làm của thường trụ Tam bảo chùa Siêu Loại*" [3]. Số lượng chùa chiền được dựng lên, Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm được thành lập để quản lý tăng sĩ trên 15.000 người vào năm 1329. Bất động sản của chùa Quỳnh Lâm, chùa Báo Ân đã trên 1000 mẫu, nuôi tới 1000 người dân lao động.

Sự ủng hộ của vua chúa, hoàng thân, quốc thích đối với tu sĩ Phật giáo, nhất là Giáo hội Trúc Lâm thời kỳ này rất to lớn và có mối quan hệ hết sức gần gũi, sâu sắc không những về mặt tôn giáo, mà còn có sức ảnh hưởng lớn về đời sống xã hội. Tuy nhiên, mọi vấn đề đều có hai mặt của nó, một khi sự ỷ lại vào chính quyền phong kiến đương thời và sự ủng hộ của vua chúa, hoàng thân, quốc thích về của cải, tiền bạc, ruộng đất...quá mức đã khiến cho các nho thần trong triều như Lê Quát than phiền: "*Hễ nơi nào có nhà ở là có chùa Phật. Chùa hư nát thì sửa lại, lâu đài chuông trống, chiếm tới phân nửa dân cư".* Còn Nho sĩ Trương Hán Siêu thì viết trên văn bia *chùa Khai Nghiêm*: "*Những nơi u nhã thanh kỳ trong nước, chùa chiền đã chiếm mất một nửa".* Các Nho thần bực tức, ganh ghét, chỉ trích Phật giáo, kiến nghị nhà vua thay vì đúc tượng, xây chùa thì nên để tiền xây văn miếu, trường dạy học. Mặt khác, số lượng tăng sĩ lúc bấy giờ quá đông, không thể kiểm soát, đã phát sinh nhiều tệ đoan trong nếp sống thanh quy chốn thiền môn, sự suy thoái về *tư tưởng đạo đức Phật giáo*, *lão hóa về mặt lợi tha,* đề cao lợi dưỡng, danh lợi, địa vị, chức quyền...đã khiến cho sự kiểm soát bản thân không còn giữ được những giá trị cốt lõi của đời sống thiền

môn.

Cho nên, sự kính trọng càng nhiều thì niềm kiên hãnh càng lớn, sự cúng dường càng hậu thì sự ỷ lại càng tăng; cùng với đó, là sự trà trộn nhiều phần tử bất hảo với mục đích làm mất thanh danh của Tăng đoàn, uy tín của Giáo hội Trúc Lâm. Đến cuối thế kỷ mười bốn Giáo hội không thể kiểm soát giới tăng lữ và một số tăng sĩ như Phạm Sư Ôn (pháp hiệu Thiên Nhiên) đã sử dụng nguồn lực Phật giáo, cầm đầu phong trào chống lại chính quyền lúc bấy giờ nằm trong tay Hồ Quý Ly. Đại Việt Sử ký toàn thư viết: "*Tháng 12, Thiên Nhiên tăng là Phạm Sư Ôn làm phản, tụ họp bè lũ ở lộ Quốc Oai Thượng, tiếm xưng danh hiệu, cho người Cổ Sở Lư Mộ là Nguyễn Tống Mại và người La Xã là Nguyễn Khả Hành làm hành khiển; chiêu tập những kẻ không quê quán làm các quân Thần kỳ, dũng đấu, Vô hạn, đến đánh kinh sư*" [4]. Do đó, sự suy thoái nếp sống đạo đức ngày càng trầm trọng như *xe không phanh xuống dốc* và có nguy cơ ảnh hưởng đến trật tự trị an, đã khiến cho vua Thuận Tông phải xuống chiếu thải bớt tăng sĩ dưới năm mươi tuổi, nhằm chấn chỉnh Phật giáo. Đại Việt Sử ký toàn thư viết: "*Năm thứ 9 (1396) (Minh Hồng Vũ thứ 29). Mùa Xuân, tháng Giêng, xuống chiếu thải bớt các tăng đạo chưa đến 50 tuổi trở lên thì cho về bản tục. Lại người tục ai thông hiểu kinh giáo thì cho làm các chức Đường đầu thủ, Tri cung, Tri quán, Tri tự; còn thì cho làm kẻ hầu của người tu hành*"[5]. Mặt khác, sự *kích hoạt phòng thủ từ xa* của chính quyền phong kiến đối với Phật giáo sau sự kiện của sư Phạm ôn chống lại chính quyền, cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho Phật giáo bị hạn chế về mọi mặt và dần dần mất ảnh hưởng vốn có của nó; đồng thời vai trò của Nho giáo trong triều đình bắt đầu có sức ảnh hưởng ngày càng tăng, trở thành công cụ đắc lực củng cố chính quyền, đặc biệt là củng cố quyền lực của Hồ Quý Ly.

Thứ hai, sự trỗi dậy của Nho giáo

Nửa sau thế kỷ XIV, đất nước Đại Việt thời kỳ cuối vương triều nhà Trần đã lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc và toàn diện trên tất cả các phương diện kinh tế - xã hội; cục diện chính trị trong triều đã thay đổi, nhu cầu cần phải cải cách, đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng đã trở thành đòi hỏi cấp thiết của lịch sử. Do đó, vua Trần Thiếu Đế buộc phải nhường ngôi cho Hồ Quý Ly, nhà Trần chính thức khép lại trang sử tồn tại 175 năm (1225 - 1400) của triều đại nhà Trần. Năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng (國祖章皇), đặt quốc hiệu là Đại Ngu, mở ra một trang sử mới cho đất nước Đại Việt. Sau khi lên ngôi hoàng đế, Hồ Quý Ly đã thực hiện nhiều cải cách về hành chính, giáo dục khoa cử, kinh tế, quân sự... trong đó có việc phát hành in tiền giấy và chuyển kinh đô từ Thăng Long về Thanh Hoá. Trong đó, Nho giáo không những đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành tư tưởng và

chính sách cải cách của Hồ Quý Ly; mà còn là một thứ công cụ để củng cố quyền lực, phát triển đất nước, xây dựng nền tảng tư tưởng, triết lý, cải cách giáo dục mang dấu ấn riêng của nhà Hồ. Chính vì vậy, Phật giáo giai đoạn này không còn là *ngọn cờ tư tưởng lý luận* của chính quyền phong kiến nhà Hồ; thay vào đó, sự trỗi dậy và độc tôn của Nho giáo đã làm hạn chế mọi hoạt động của Phật giáo, Hồ Quý Ly đề cao Nho giáo xem đó là công cụ đắc lực phục vụ cho quyền lực sau này của ông. Năm 1392, trước khi cướp ngôi nhà Trần, Hồ Quý Ly đã soạn sách Minh đạo, làm sáng toả đạo Nho và trình lên Thượng hoàng Trần Nghệ Tông. Mặc dù, Hồ Quý Ly hạ thấp vai trò của Khổng Tử, đề cao Chu Công, phê phán thói giáo điều của một số danh nho như Hàn Dũ, Chu Đôn Di, Trình Hiệu là "*trộm Nho*", "*cóp nhặt văn chương*"; nhưng thực chất ông cũng là người đề cao vai trò của Nho giáo và Nho giáo theo quan điểm của Hồ Quý Ly là một thứ Nho giáo thực dụng, chống giáo điều, kết hợp với tinh thần của Pháp gia.

Tuy nhiên, khi triều đại nhà Hồ bị thay thế bởi triều đại nhà Lê, nhà Nguyễn thì Phật giáo cũng không thể làm sống dậy tinh thần dung hợp của thời Trần; thay vào đó, sự độc tôn của Nho giáo đã khiến chính quyền phong kiến ban hành những phép luật nghiêm khắc đối với nhà tu hành Phật giáo và Đạo giáo. Mặt khác, khi nhà Minh xâm chiếm nhà nước Đại Việt, họ đã có chính sách thiêu đốt, thu giữ các sách của Nho giáo và Phật giáo của người Việt, ban hành nhiều loại sách Tứ Thư, Ngũ kinh sử dụng trong các trường công. Khác với các kỳ thi Tam giáo thời Lý - Trần, Nho giáo - Phật giáo và Đạo giáo, song hành tồn tại; thì nay Nho giáo đã độc tôn, bước lên *vũ đài chính trị*, cán cân tôn giáo trong giai đoạn này đã thay đổi nghiên về Nho học. Song, khi nhà Lê phục quốc, chính sách của Lê Thái Tổ cũng đề cao Nho học, quy định những người muốn xuất gia trong Phật giáo và Lão giáo phải thi kinh điển các đạo này. Người thi đỗ được phép làm sư hoặc làm đạo sĩ, còn người thi trượt thì phải về quê làm ăn. Đây rõ ràng là một chính sách nhằm hạn chế giới tu sĩ Phật giáo và Lão giáo.

Khi nhà Nguyễn thành lập vương triều, Nguyễn Ánh (Gia Long) lên ngôi hoàng đế 1802, đã lấy Nho giáo làm trọng tâm, vua Gia Long đề cao Nho học, cố gắng xây dựng Việt Nam dựa trên cơ sở nền tảng của Nho giáo. Năm 1803, vua Gia Long cho thành lập Quốc Tử Giám ở kinh thành Huế để dạy các quan và các sĩ tử, mở khoa thi Hương lấy những người có học, có hạnh ra làm quan. Đồng thời cho lập Văn Miếu ở các doanh, các trấn thờ đức Khổng Tử. Do đó, điều kiện lịch sử xã hội thay đổi cũng là nguyên nhân tác động, ảnh hưởng đến sự thịnh suy của Phật giáo là điều không thể tránh khỏi trong giai đoạn lịch sử có nhiều biến động.

Thứ ba, sư tử trùng

Sư tử trùng (獅子蟲), một thuật ngữ trong Phật giáo, mang ý nghĩa tượng trưng đối với người xuất gia trong Phật giáo. Hình ảnh côn trùng, sâu bọ cắn xé trong thân thể của con sư tử, dù nó mạnh đến đâu cũng bị suy yếu và chết; được ví nhưng những người xuất gia suy thoái lối sống, tư tưởng, đạo đức Phật giáo, vi phạm những quy định của giới luật, quy định về những điều người xuất gia không được làm, làm tổn hại đến đạo Phật, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của Giáo hội Phật giáo nói chung, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng, khiến cho phật pháp không còn được tôn kính, độ tin cậy phật pháp bị suy yếu.

Sự suy yếu đó không đến từ bên ngoài, như phẩm *Chúc lụy* trong kinh Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật viết rằng *ngoại đạo thiên ma không phá hoại được, chỉ do các Tỳ khưu xấu ác ở trong Phật pháp, như những trùng độc, trở lại phá hoại Phật pháp.* Cho nên, Phập pháp dù mạnh đến đâu, cao quý, thiêng liêng, cũng không thể không bị ảnh hưởng đến giá trị của đạo Phật.

Câu chuyện ở đây, là vì sao có những biến chất, suy thoái lối sống, tư tưởng, đạo đức Phật giáo của người xuất gia mà đức Phật cảnh báo trong các kinh văn?

Nguyên nhân của nó phát xuất từ quá trình hội nhập xã hội, nói khác hơn là nhập thế độ sinh, phụng sự xã hội. Song nhiều người cho rằng "*hoà nhập*" để tiếp cận xã hội, thực hiện sứ mệnh độ sinh trong lòng xã hội, chớ "*không hoà tan*" theo lối sống người thế tục. Điều đó đúng. Tuy nhiên, chúng ta liệu rằng với nguồn năng lượng nội tâm hiện có của chính chúng ta có đủ sức vượt qua những thử thách, rào cản của xã hội hay bị đồng hoá bởi những "*ma lực hấp dẫn của tài, sắc, danh, thực thuỳ"* khiến cho chúng ta không có lối thoát trở về với chính mình?

Có những sự thật mà chính chúng ta cũng không chấp nhận sự thật đó và cứ tiếp tục sống với những ảo tưởng đó và bị lôi cuốn lúc nào cũng không biết, ngay cả những người đi theo con đường giác ngộ.

Chính vì vậy, người xuất gia rơi vào vòng xoáy của cuộc đời một cách đến độ biến chất lúc nào không biết "*có phải là mình hay không*"?

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm An Lạc Hạnh, đức Phật dạy cho các vị Bồ tát về sứ mệnh độ sinh khi nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa là phải an trụ vào bốn pháp quan trọng, một trong bốn pháp đó là:

"Thế nào gọi là chỗ "thân cận" của đại Bồ-tát? Vị đại Bồ-tát chẳng gần gũi quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng, chẳng gần gũi các ngoại đạo Phạm-chí, Ni-kiền-tử... và chẳng gần những kẻ viết sách thế tục ca ngâm; sách ngoại đạo cùng với phái "Lộ-già-da-đà" phái "Nghịch-lộ-già-da-đà" cũng chẳng

gần gũi những kẻ chơi hung hiểm đâm nhau, đánh nhau, và bọn Na-la... bày các cuộc chơi biến hiện." [6].

Do những biến chất của một số tăng sĩ cuối đời Trần đã góp phần làm cho Phật giáo mất đi chỗ đứng trong chính quyền và làm suy yếu giá trị Phật giáo trong lòng quần chúng so với thời kỳ huy hoàng trước đó được tạo dựng bởi các vị thiền sư danh tiếng như Trần Thái Tông, Tuệ Trung thượng sĩ, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang...Sự kiện nhà sư Phạm Sư Ôn nổi loạn, tụ tập quân sĩ chống lại chính quyền và văn bia đời Hậu Lê, do Giáo sư Lê Mạnh Thát phát hiện có đoạn viết về Tăng Thống và vợ, tên Mỗ bán đứt số ruộng cho người trong làng cho người tên Mỗ, với giá mấy trăm quan tiền được ghi chép vào văn bia; quả thật đây là một điều chúng ta cần suy ngẫm. Chính vì vậy, hình ảnh "*Sư tử trùng*" là một lời cảnh tỉnh sâu sắc đối với những người xuất gia, là nguyên nhân làm cho niềm tin của Phật giáo bị suy yếu.

Những vấn đề cần suy nghĩ trong thời đại ngày nay



(Ảnh: Internet)

Trong xã hội ngày nay, Phật giáo không thể tách mình ra khỏi xã hội, mà phải hoà nhập để duy trì, bảo tồn, phát triển những giá trị thiêng liêng của Phật giáo trong sứ mệnh độ sinh, phụng sự xã hội. Phật giáo Việt Nam trải qua bao thế kỷ tồn tại và phát triển, hoà mình vào dòng chảy của xã hội từ truyền thống đến hiện đại, thì vấn đề thịnh suy của Phật giáo theo thời gian là điều tất yếu. Như thiền sư Vạn Hạnh đã cho chúng ta thấy triết lý hành động của cuộc đời qua bài kệ Thị tịch: "...*Nhậm vận thịnh suy vô bố uý, thịnh suy như lộ thảo đầu phô*" (nhìn cuộc thịnh suy đừng sợ hãi, Thịnh suy: ngọn cỏ giọt sương hồng). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng ta phó mặc cho sự suy tàn của Phật

giáo, mà phải nhận thức được những nguyên nhân đưa đến sự suy tàn đó để rút kinh nghiệm, phát triển Phật giáo trong tương lai.

Trong điều kiện lịch sử xã hội ngày nay đã thay đổi về nhiều phương diện từ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá... Phật giáo phải đối mặt với nhiều thách thức về mọi phương diện đối nội cũng như đối ngoài để duy trì, tồn tại, phát triển trong môi trường mới của xã hội trong nước và quốc tế là điều chúng ta cần nhận thức một cách nghiêm túc.

Từ sự suy tàn của Phật giáo ở cuối thời kỳ nhà Trần, Hồ, Lê sơ cho chúng ta những suy nghĩ và cách tiếp cận mới về lộ trình phát triển của Phật giáo trong tương lai.

Thứ nhất, chính quyền ủng hộ

Sự ủng hộ của chính quyền là rất quan trọng và cần thiết cho sự phát triển của Phật giáo. Phật giáo được chính quyền ủng hộ thì mới có cơ hội thực hiện tốt sứ mệnh độ sinh và an tâm trong việc tu luyện hướng về mục tiêu giác ngộ. Chúng ta thấy rằng tại sao thời kỳ đầu nhà Trần Phật giáo phát triển mạnh, bởi vì các vua nhà Trần ủng hộ Phật giáo mạnh mẽ, nhưng càng về sau sự ủng hộ của các vua Trần, Hồ, Lê sơ không còn tha thiết với Phật giáo, từ đó Nho giáo mới có cơ hội trỗi dậy, phê phán, chỉ trích và hạn chế sự phát triển của Phật giáo, thậm chí bắt các nhà sư đi lính. Đại Việt sử ký ghi, năm 1381(Minh Hồng Vũ thứ 14) nhà vua bắt các nhà sư đi đánh chiêm thành: "*Thứ 3, sai Đại Than quốc sư đốc suất các tăng nhân trong nước và các tăng nhân không có độ điệp ở rừng núi, người nào khoẻ mạnh thì tạm làm quân đi đánh chiêm thành*" [7]. Tuy nhiên, không dừng lại ở đó, sang đến thời Lê sơ tình hình của Phật giáo cũng không khá hơn trước đó, các nhà sư cũng bị hạn chế phát triển. Năm 1429, vua Lê Thái Tổ xuống chiếu: "*Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 10, chỉ huy cho các tăng đạo người nào thông kinh điển, giữ tiết hạnh cẩn thận, hạn đến 20 tháng này đến sảnh đường trình diện, kiểm xét khảo thí, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục*" [8]. Ở thời kỳ Lý – Trần, vua chúa, hoàng thân, các cung phi trong triều có mối quan hệ thân thiết với các tăng đạo, họ nghe các sư thuyết pháp, bàn luận, toạ đàm về đạo Phật thì nay đến đời Lê Thánh Tông những người trong cung và hậu cung đã bị cấm đoán hoàn toàn. Năm 1463, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu: "*Những người bói toán và đạo Thích ở trong nước từ nay về sau không được cùng với người trong cung và hậu đình giao thông chuyện trò*" [9]. Do đó, nhìn về thế cuộc thời kỳ cuối Trần, cho đến thời Lê, Nguyễn, Phật giáo không còn giữ vai trò chủ đạo trong chính quyền phong kiến đương thời, thay vào đó là hệ tư tưởng của Nho giáo thống trị, Phật giáo trở về dân gian, sống với tinh thần tuỳ duyên hóa độ của đạo Phật.

Từ diễn biến của lịch sử, Phật giáo ngày nay cần sự ủng hộ, bảo vệ của chính quyền, Phật giáo đồng hành cùng dân tộc trong các sứ mệnh phụng sự xã hội là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, sự ỷ lại vào một thế lực bên ngoài mà không làm tròn bổn phận, trách nhiệm của một người tu hành, không tuân thủ pháp luật, làm suy thoái tư tưởng đạo đức, lối sống...sẽ tạo nên phản ứng ngược lại, làm mất niềm tin tín đồ, độ tin cậy của chính quyền đối với Phật giáo sẽ bị suy giảm, tạo nên những hệ luỵ khó lường đối với Phật giáo trong tương lai.

Thứ hai, tránh xung đột trong tôn giáo

Xung đột tôn giáo trên thế giới ngày nay là cực kỳ nghiêm trọng, tạo ra những hệ lụy hết sức nguy hiểm cho con người và xã hội.

Sự xung đột tôn giáo trong thời đại ngày nay không còn là sự đấu khẩu, chỉ trích, lý luận bút chiến..., mà nó đã trở thành một cuộc đối đầu bằng quân sự, gây nên chiến tranh, chết chóc giữa các quốc gia, dân tộc, điển hình như chiến tranh giữa Do Thái giáo và Hồi giáo; xung đột nội bộ trong thế giới Hồi giáo, bởi sự khác biệt về giáo lý, chính trị hoặc các yếu tố địa chính trị khác.

Chẳng hạn như sự chia rẽ giữa Sunni và Shia là một trong những nguyên nhân chính gây ra xung đột, nó diễn ra dưới nhiều hình thức, từ tranh chấp quyền lực, xung đột vũ trang cho đến các cuộc chiến tranh ủy nhiệm giữa các quốc gia Hồi giáo như chiến tranh Hồi giáo Iran - Iraq (1980 - 1988)...Trên thế giới ngày nay có hàng trăm tôn giáo xuất hiện; riêng ở Việt Nam, có 16 tôn giáo được Nhà nước công nhận và cho phép hoạt động như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Bà La Môn giáo, Baha'i, Cơ Đốc Phục Lâm, Mặc Môn, Minh Sư Đạo...Do đó, khác xa với thời kỳ phong kiến ở Việt Nam chỉ có Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo, tồn tại, phát triển.

Ngày nay Phật giáo hoà mình trong dòng chảy chung của các tôn giáo được Nhà nước công nhận hoạt động; cho nên Giáo hội Phật giáo Việt Nam không những đứng trước những thách thức từ bên trong của nội bộ Phật giáo, mà còn thách thức từ bên ngoài của các tôn giáo trong nước như hiện nay. Sự đoàn kết trong nội bộ Phật giáo để tránh những phát sinh gây nên xung đột với các tôn giáo là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng của Giáo hội hiện nay. Quản lý tăng sĩ đoàn kết trong tư tưởng và hành động không phải là một vấn đề dễ dàng trong một xã hội phức tạp nhiều tôn giáo. Nó đòi hỏi một tầm nhìn chiến lược, có chiều sâu của Giáo hội để không đưa đến những bất hoà nội bộ và xung đột trong tôn giáo mang tính tiềm ẩn. Phong trào đấu tranh Phật giáo năm 1963 là một điển hình mang tính lịch sử của thời hiện đại về tôn giáo và chính trị. Chính vì vậy, tránh xung đột trong tôn giáo là một vấn đề hết sức quan trọng đối với sự quản lý tăng ni Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời đại kỷ

nguyên mới.

Thứ ba, kiểm soát tốt lối sống, tư tưởng, đạo đức của tăng ni

Tu sĩ là người kế thừa và duy trì mạng mạch của tăng già, là nhân tố quyết định sự phát triển và tồn tại của Phật giáo nói chung, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng. Giáo hội không có tu sĩ thì không gọi là Giáo hội; đạo Phật không có tu sĩ Phật giáo thì không thể phát triển bền vững. Cho nên đoàn thể tăng già là sứ giả của Như Lai, thay thế chư Phật trong sứ mệnh hoằng truyền chánh pháp, hoằng hoá độ sinh, mang thông điệp hoà bình cho nhân loại. Tuy nhiên, vì sao Phật giáo suy tàn? Sự suy tàn đó không những xuất phát từ chính quyền không ủng hộ hay sự đả kích từ tôn giáo khác, mà nó còn có nguyên nhân xuất phát từ sự suy thoái lối sống, tư tưởng, đạo đức của một số tăng ni làm cho niềm tin của tăng đoàn bị suy giảm trầm trọng. Một số tăng ni không kiểm soát tốt hành vi của mình đã tạo nên làn sóng phản đối hết sức nguy hiểm cho Phật giáo. Trong những năm gần đây, Phật giáo Thái Lan bị chỉ trích, không kiểm soát tốt các sư để xảy ra nhiều tai tiếng ảnh hưởng quốc gia có quốc giáo là đạo Phật.

Cụ thể thời gian qua, nhiều nhà sư Thái Lan tổ chức sử dụng ma tuý, đánh bạc, cá cược, truyền bá giáo lý sai lệch…; cùng với đó, trên cộng đồng mạng tại Việt Nam cũng ghi nhận nhiều trường hợp thuyết pháp sai lệch, phát ngôn thiếu kiểm soát trong lời nói, mê tín…gây hoang mang trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Do đó, kiểm soát tốt hành vi của chính mình để tránh những sai phạm đáng tiếc trong giai đoạn mạng xã hội phát triển mạnh mẽ là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần thiết. Đối với tăng ni việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức là việc làm hết sức cần thiết như cư sĩ thiền sư Tuệ Trung thượng sĩ đã dạy *"Phản quan tự kỷ bổn phận sự, bất tùng tha đắc"* có nghĩa là xem xét lại chính mình là việc bổn phận, không phải từ nơi khác mà được, là nhiệm vụ chính yếu của người tu hành.

Ngày nay, khi tu sĩ dấu thân phụng sự xã hội, làm việc Giáo hội, thể hiện quan điểm *tốt đời đẹp đạo* là một việc làm hết sức có ý nghĩa. Song, đó cũng là phép thử cho quá trình tu luyện của mỗi tăng ni khi va chạm vào thực tế, nếu chúng ta không kiểm soát được hành vi, lối sống, suy thoái đạo đức, vi phạm những quy định giới luật cấm, vi phạm những điều tu sĩ không được làm… không những ảnh hưởng không tốt đến bản thân, mà còn ảnh hưởng xấu đến Giáo hội, làm giảm độ tin cậy của tín đồ vào Phật giáo.

Tóm lại, trong điều kiện lịch sử xã hội cuối thời nhà Trần có sự phân hóa chia rẽ sâu sắc, cục diện chính trị có nhiều biến động trong triều đình và sự tranh chấp ý thức hệ ngày càng trở nên gây gắt, lãnh đạo quốc gia quay lưng lại với Phật giáo, đề cao vai trò của Nho giáo trong việc củng cố quyền lực, xây dựng đất

nước; sự độc tôn của Nho giáo đã tác động làm suy yếu Phật giáo nói chung, Giáo hội Trúc Lâm nói riêng, Phật giáo lúc này không còn giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần như trước đó, đưa đến sự suy tàn của Phật giáo cuối thế kỷ XIV - XV.

Giáo hội Trúc Lâm sau khi đệ tam Tổ Trúc Lâm Huyền Quang viên tịch, Giáo hội không còn khả năng tập họp và kiểm soát tốt giới tăng lữ, khiến cho một số tăng lữ suy thoái lối sống, tư tưởng đạo đức, không kiểm soát hành vi của mình vi phạm những điều cấm của một người tu sĩ không được phép làm, gây tác động xấu, ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của Phật giáo. Bức tranh ảm đạm của Phật giáo cuối thời nhà Trần, đầu nhà Hồ, Lê sơ, đánh dấu một bước thụt lùi của Phật giáo đương thời và nó đặt ra nhiều câu hỏi về năng lực lãnh đạo Giáo hội, quản lý tăng ni của người kế nhiệm sau khi đệ tam Tổ Huyền Quang viên tịch hay đó là lỗi của thời cuộc biến động chính trị trong nước khiến cho mọi vấn đề vượt ngoài tầm kiểm soát của Giáo hội?

Nhưng vì sao Giáo hội Trúc Lâm phát triển rực rỡ khi được triều đình ủng hộ và ngược lại bị suy tàn khi triều đình quay lưng với Phật giáo, là một câu hỏi khó trả lời cho thật thoả đáng.

Sự suy tàn đó là bài học kinh nghiệm đối với thế hệ lãnh đạo Phật giáo ngày nay trong việc định hướng, hoạch định chiến lược quản lý tăng ni, phát triển Giáo hội một cách dung hoà, cân bằng trong một xã hội đầy biến động, phức tạp nhiều hệ phái như hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói "*nước lấy dân làm gốc*", muốn cách mạng thành công phải dựa vào nhân dân, Người khẳng định: "*Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân*" [10]. Do đó, thế đứng của Phật giáo trong dân gian là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển lâu dài, vững bền của Phật giáo. Một khi đánh mất nó, hiện tượng suy tàn của Phật giáo là điều tất yếu xảy ra không có gì là lạ.

Tác giả: **Thượng tọa Thích Lệ Quang**

* *TS, Triết học.*

Tài liệu tham khảo:

[1]. Ban Phật học chuyên môn, *Thiền học đời Trần*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1992.

[2]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 5*, NXB. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2011.

[3]. HT. Thích Trí Tịnh (dịch), *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, NXB. Tôn giáo, 2011.

[4]. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, 3 tập, NXB. Văn học, Hà Nội, 2000.

[5]. PGS, TS. Doãn Chính (chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Triết học Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.

[6]. PGS. Nguyễn Duy Hinh, *Lịch sử Đạo Phật Việt Nam*, NXB. Tôn giáo, 2009.

[7]. Thích Phước Sơn (dịch và chú), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1995.

[8]. Viện Sử học, *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 1, NXB. Văn hoá thông tin, 2004.

[9]. Viện Sử học, *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 2, NXB. Văn hoá thông tin, 2004.

[10]. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần,* tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

Chú thích:

[1]. Viện Văn học (1988), *Thơ văn Lý – Trần,* tập 2, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.34.

[2]. HT. Thích Phước Sơn (dịch và chú) (1995), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr.41.

[3]. HT. Thích Phước Sơn (dịch và chú) (1995), *Tam Tổ thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr.44.

[4]. Viện Sử học (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 1, NXB. Văn hoá thông tin, tr.699.

[5]. Viện Sử học (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 1, NXB. Văn hoá thông tin, tr.712.

[6]. HT. Thích Trí Tịnh (dịch) (2011), *kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, NXB. Tôn giáo, tr.356.

[7]. Viện Sử học (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 1, NXB. Văn hoá thông tin, tr.683.

[8]. Viện Sử học (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 2, NXB. Văn hoá thông tin, tr.103.

[9]. Viện Sử học (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, tập 2, NXB. Văn hoá thông tin, tr.256.

[10]. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 5*, NXB. Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội, 2011, tr. 453.